

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 562/2024/HSST
Ngày: 22/10/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký TAND Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 572/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 563/2024/QĐXXST-HS ngày 08/10/2024 đối với:

- Bị cáo: **Nguyễn Phúc L**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 11 tháng 11 năm 1999, tại tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số A, tổ B, khu phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nơi ở hiện tại: số A, tổ B, khu phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1976, còn sống và bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm: 1979, còn sống. Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 02 (Hai) anh em, chưa có vợ, con; Tiền án: Ngày 24/5/2019, bị Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà xử phạt 10 (Mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tiền sự: Không. Bị cáo đầu thú ngày 21/6/2024, bị tạm giữ ngày 22/6/2024, chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 1221/LTG-ĐTTH ngày 29/6/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B (có mặt)

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991; Địa chỉ: D, tổ E, KP. F, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có mặt) - Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm, 1988; Địa chỉ: D, tổ E, KP. F, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 ngày 20/6/2024, Nguyễn Phúc L đi bộ từ nhà tại khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai đến nhà trọ thuộc khu phố B, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để gặp H (Không rõ họ, là bạn quen biết với L). Khi L đi ngang khu dãy trọ thuộc số D, tổ E, khu phố F, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì phát hiện 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 68E1-304.08 của anh Nguyễn Văn T ngụ tại ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang (là người đang thuê trọ) đang dựng trước cửa phòng trọ số 3, chìa khoá vẫn cắm trên ổ khoá điện, không có người trông coi nên L nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô trên bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định trên, L đi đến vị trí chiếc xe mô tô, mở chìa khoá, nổ máy, điều khiển xe mô tô bỏ chạy thoát. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, L điều khiển chiếc xe mô tô vừa trộm cắp đến tiệm game M thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cầm chiếc xe trên cho Đ (Không rõ họ, tên, địa chỉ) với giá 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), số tiền này L đã tiêu xài hết. Đến ngày 21/6/2024, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên L đến Công an phường A đầu thú, thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung nêu trên. Công an phường A lập hồ sơ, chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B để điều tra, xử lý.

Vật chứng vụ án gồm:

- 01 (Một) USB ghi lại sự việc phạm tội: lưu hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 68E1-304.08 của anh Nguyễn Văn T sau khi trộm cắp được L đã mang bán cho Đ (Không rõ họ, tên, địa chỉ) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu hồi được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 204/KL-HĐĐGTS ngày 25-6-2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: “01 (Một) xe mô tô biển số 68E1-304.08 có giá trị định giá tài sản là 31.493.000đ (Ba mươi một triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng)”.

Về trách nhiệm dân sự: anh Nguyễn Văn T yêu cầu L bồi thường số tiền 31.493.000đ (Ba mươi một triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Tại cáo trạng số 562/CT-VKSBH ngày 26/9/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn Phúc Lộc về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Phúc L về tội danh, điều luật áp dụng nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phúc L từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 589 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên

bị cáo Nguyễn Phúc L phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 31.493.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai trái và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai nhận của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 20/6/2024, tại phòng trọ số 3 khu dãy trọ thuộc nhà số D, tổ E, khu phố F, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Phúc L đã có hành vi trộm cắp 01 (Một) xe mô tô biển số 68E1-304.08 có giá trị định giá tài sản là 31.493.000đ (Ba mươi một triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng) của anh Nguyễn Văn T. Ngày 21/6/2024, L ra đầu thú.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của chủ sở hữu được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự xã hội tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ sức khỏe và năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động mà muốn có tiền tiêu xài, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Vì vậy, cần có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[3]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội nên bị cáo thuộc trường hợp tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo ra đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, sau khi xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt tù bị cáo với mức án nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4]. Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 68E1-304.08 của anh Nguyễn Văn T sau khi trộm cắp được L đã mang bán cho Đ (không rõ họ, tên, địa chỉ) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu hồi được, vì vậy không đặt ra xem xét.

Đối với 01 (Một) USB chứa video ghi lại sự việc phạm tội: Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Văn T yêu cầu L bồi thường số tiền 31.493.000đ (Ba mươi một triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng). Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý với yêu cầu bồi thường của bị hại nên ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về trách nhiệm bồi thường.

[6]. Về án phí:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.571.950 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7]. Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phúc L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phúc L 02 (Hai) năm tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/6/2024.

2. Về bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Phúc L bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 31.493.000đ (Ba mươi một triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng)

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thi hành án về phần bồi thường dân sự, nếu bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án đối với số tiền phải bồi thường thì bị cáo phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 486 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Phúc L phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo phải chịu 1.571.950 đồng án phí dân sự sơ thẩm

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Nhà tạm giữ CATPBH;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tám